

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ XUYÊN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 12-5-2021

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lâm Thị Tám;

Bà Lý Thị Đào.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Mỹ Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Văn Khải - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2021 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Hương G, sinh năm 1983 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Ông Từ Thanh T, sinh năm 1979 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Con chung: Từ Lê Minh L, sinh ngày 28/11/2008 (có mặt);

Từ Lê Ngọc L, sinh ngày 02/01/2014 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 26 tháng 01 năm 2021, tại phiên hoà giải và tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay nguyên đơn bà Lê Thị Hương G trình bày:

Bà và ông Từ Thanh T tổ chức cưới và chung sống với nhau vào năm 2008, không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc được 07 năm đến

năm 2016 thì thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, bà không còn tình cảm vợ chồng với ông T. Nay bà nhận thấy bà và ông T chung sống không có hạnh phúc nên bà yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông Từ Thanh T.

Về con chung: Bà và ông T có 02 người con chung là Từ Lê Minh L, sinh ngày 28/11/2008 và Từ Lê Ngọc L, sinh ngày 02/01/2014, hiện nay hai con đang sống chung với bà. Khi ly hôn bà yêu cầu được quyền nuôi hai con chung, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng bằng $\frac{1}{2}$ mức lương cơ sở/tháng/con đến khi hai con chung đủ 18 tuổi.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại phiên hoà giải ngày 03/01/2020, bị đơn ông Từ Thanh T trình bày:*

Ông và bà Lê Thị Hương G tổ chức cưới vào năm 2008, không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc, thường ngày cũng có phát sinh mâu thuẫn nhưng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ. Nay ông còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn. Trường hợp Toà án giải quyết cho ly hôn thì:

Về con chung: Ông và bà G có 02 người con chung là Từ Lê Minh L, sinh ngày 28/11/2008 và Từ Lê Ngọc L, sinh ngày 02/01/2014, hiện nay hai con đang sống chung với bà G. Khi ly hôn ông yêu cầu được quyền nuôi con chung là Từ Lê Minh L, không yêu cầu bà G cấp dưỡng nuôi cháu L. Ông nhường quyền nuôi con chung Từ Lê Ngọc L cho bà G trực tiếp nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi cháu L.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại biên bản hoà giải ngày 03/01/2020 và tại phiên toà, cháu Từ Lê Minh L và Từ Lê Ngọc L trình bày:* Khi cha mẹ ly hôn, không còn sống chung với nhau, các cháu có nguyện vọng sống với mẹ là Lê Thị Hương G.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Còn đối với bị đơn chưa chấp hành đúng quy định pháp luật do vắng mặt không có lý do tại phiên hòa giải ngày 19/3/2021. Bị đơn đã được cấp tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, ông T đã được triệu tập xét xử đến lần thứ hai nhưng ông vẫn vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 tiến hành xét xử vắng mặt ông Từ Thanh T.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Thị Hương G và ông Từ Thanh T. Về con chung: Đề nghị giao cho bà Lê Thị Hương G được quyền

trực tiếp nuôi hai con chung là Từ Lê Minh L, sinh ngày 28/11/2008 và Từ Lê Ngọc L, sinh ngày 02/01/2014 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông Từ Thanh T cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng bằng $\frac{1}{2}$ mức lương cơ sở, hiện nay tương đương là 745.000 đồng/cháu.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Nợ chung: Không có, nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Từ Thanh T đã được cấp tổng đạt các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, ông T đã được triệu tập xét xử đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Từ Thanh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Việc tranh chấp giữa bà Lê Thị Hương G và ông Từ Thanh T là loại kiện hôn nhân và gia đình. Bà G và ông T tự nguyện tổ chức cưới và chung sống với nhau từ năm 2008 nhưng bà G và ông T đều thống nhất đến nay ông bà không đăng ký kết hôn.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: *“Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này”*. Và theo quy định tại khoản 1 Điều 14: *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”*.

Như vậy, hôn nhân giữa bà Lê Thị Hương G và ông Từ Thanh T là vi phạm về đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bà G và ông T không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Bà G yêu cầu Toà án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông T nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Thị Hương G và ông Từ Thanh T. Ông T không đồng ý ly hôn là không có cơ sở chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà G và ông T có 02 người con chung là Từ Lê Minh L, sinh ngày 28/11/2008 và Từ Lê Ngọc L, sinh ngày 02/01/2014, hiện nay hai con đang sống với bà G. Khi ly hôn bà G yêu cầu được quyền nuôi hai con chung, còn ông T yêu cầu được quyền nuôi con chung là Từ Lê Minh L.

Xét thấy, hiện nay hai con chung là Từ Lê Minh L và Từ Lê Ngọc L sống cùng với bà G. Hơn nữa hai cháu đều có nguyện vọng sống với mẹ, bà G cũng yêu cầu được quyền tiếp tục được nuôi hai con đến trưởng thành. Bà G và ông T đều công tác

trong cơ quan nhà nước, có điều kiện kinh tế để nuôi con, tuy nhiên Hội đồng xét xử xét thấy nhằm đề ổn định cuộc sống hiện tại và không làm ảnh hưởng đến tâm lý, việc học của các cháu Từ Lê Minh L và Từ Lê Ngọc L thì cần thiết giao hai con chung Từ Lê Minh L và Từ Lê Ngọc L cho bà G trực tiếp nuôi đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Ông T được quyền thăm nom hai chung con, không ai được quyền cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, bà Lê Thị Hương G yêu cầu ông Từ Thanh T cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi cháu bằng $\frac{1}{2}$ mức lương cơ sở/tháng cho đến khi hai con chung đủ 18 tuổi. Xét thấy, tại khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*”. Ông T không phải là người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn nên bà G yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi hai con chung là phù hợp theo quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình buộc ông Từ Thanh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung là Từ Lê Minh L và Từ Lê Ngọc L mỗi tháng bằng $\frac{1}{2}$ mức lương cơ sở/ cháu, $\frac{1}{2}$ mức lương cơ sở thời điểm xét xử vụ án là 1.490.000đ/tháng x $\frac{1}{2}$ = 745.000đ, cấp dưỡng hàng tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án cho đến khi con chung là Từ Lê Minh L và Từ Lê Ngọc L đủ 18 tuổi.

Địa điểm giao nhận tiền cấp dưỡng: Tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

[5] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[7] Lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí sơ thẩm áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bà Lê Thị Hương G phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Ông Từ Thanh T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53, Điều 81; Điều 82, Điều 83; Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Thị Hương G và ông Từ Thanh T.

2. Về con chung: Giao cho bà Lê Thị Hương G được quyền trực tiếp nuôi hai con chung là Từ Lê Minh L, sinh ngày 28/11/2008 và Từ Lê Ngọc L, sinh ngày 02/01/2014 cho đến khi hai con chung đủ 18 tuổi. Ông Từ Thanh T được quyền thăm nom hai con chung Từ Lê Minh L và Từ Lê Ngọc L không ai được quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông Từ Thanh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung là Từ Lê Minh L, sinh ngày 28/11/2008 và Từ Lê Ngọc L, sinh ngày 02/01/2014 mỗi cháu bằng $\frac{1}{2}$ mức lương cơ sở/tháng. $\frac{1}{2}$ mức lương cơ sở thời điểm xét xử vụ án là 1.490.000đ/tháng x $\frac{1}{2}$ = 745.000đ đồng, cấp dưỡng hàng tháng.

Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án cho đến khi hai con chung là Từ Lê Minh L và Từ Lê Ngọc L đủ 18 tuổi.

Địa điểm giao nhận tiền cấp dưỡng: Tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

4. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

6. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị Hương G phải chịu án phí hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009185 ngày 02/02/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên. Bà Lê Thị Hương G đã nộp xong.

Ông Từ Thanh T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên toà hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A DS huyện Mỹ Xuyên;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Mến